

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

1

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 04/UBCK-GPHEQLQ ngày 14 tháng 6 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và quyết định điều chỉnh mới nhất số 122/GPEC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303861449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005 và giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh mới nhất ngày 12 tháng 12 năm 2022.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife (Việt Nam), là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2122/GP ngày 12 tháng 6 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép chấp thuận cho Công ty thực hiện kinh doanh bảo hiểm số 13TC/GCN ngày 20 tháng 5 năm 1999 do Bộ Tài chính cấp. Công ty mẹ đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 13 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 24 tháng 1 năm 2005 và giấy phép kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 13/GPEC28/KDBH ngày 5 tháng 10 năm 2022.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào thời điểm 30 tháng 9 năm 2024, Công ty có một (1) văn phòng đại diện tại Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 32 người (31 tháng 12 năm 2023: 34 người).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty đang thực hiện quản lý:

- Danh mục đầu tư của Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife (Việt Nam)
- Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife
- Quỹ Đầu tư Cân bằng Manulife
- Quỹ Đầu tư Năng động Manulife

2

CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính quý của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chỉnh sửa kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính quý và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1),
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2),
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3),
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4), và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính quý được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không đánh giá cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính quý, kết quả hoạt động kinh doanh quý và lưu chuyển tiền tệ quý theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính quý được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

2.4 Hình thức số kế toán áp dụng

Hình thức số kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính quý tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính quý được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi để dàng thành các lương tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng đảo hạn trong vòng 12 tháng hoặc dự định nắm giữ không quá một năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính quý theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tồn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giá bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý.

4.6 Thuế tài sản

Các khoản tiền thuế theo hợp đồng thuế hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh quý theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuế.

4.7 Khấu hao

Khấu hao thiết bị văn phòng được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính là từ ba (3) đến năm (5) năm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán quý và được phân bổ theo khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc theo khoảng thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.9

Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc cho khoảng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty nhưng không tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội mà chưa được chi trả khoản Trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

4.11

Các quỹ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập để sử dụng bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Chủ sở hữu phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

4.12

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình công giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thông báo bởi công ty mẹ.
Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý.

4.13

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận

doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.14

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh quý ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính Quý.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng từ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật lực có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh quý ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc
- ▶ công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán lại.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

4.15 Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính quý, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm phải thu người bán, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tại chính ngân hàng, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính quý, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán quý nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

5.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Tiền gửi tại ngân hàng		
- Ngân hàng Citi Bank N.A, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.982.059.058	25.317.846.984
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	3.600.929.091	22.251.544.304
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	1.248.769.359	2.603.839.955
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng	142.360.608	462.462.725
- Ngân hàng DBS Bank Ltd, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	9.009.820.415	-
	9.009.820.415	-
	14.001.879.473	25.317.846.984

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền gửi tại ngân hàng		
- Ngân hàng BNP Paribas, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	283.165.300.704	55.574.512.357
- Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	232.847.722.133	181.518.414.875
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	90.316.212.339	85.164.458.944
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	121.122.909.059	85.315.394.991
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	81.719.197.515	61.371.967.546
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)	48.795.479.138	-
- Ngân hàng DBS Bank Ltd. chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	107.410.726.142
- Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vương (VPBank)	-	75.957.173.363
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	31.816.987.949	19.019.888.248
	889.783.808.837	671.332.536.466

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 và được hưởng lãi suất từ 3,57%/năm đến 5,10%/năm.

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục	27.494.899.251	27.019.079.498
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife	862.143.971	884.724.421
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng Manulife	265.848.787	261.946.621
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư	128.755.138	517.549.776
Phải thu khác từ hoạt động nghiệp vụ	95.185.010	68.388.421
	28.846.832.157	28.751.688.737

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 25/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III năm 2024

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn	12.346.126.086	21.255.640.115
Các khoản phải thu khác	9.853.881	14.902.841
	12.355.979.967	21.270.542.956

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Thiết bị văn phòng	VND
--------------------	-----

Nguyên giá
Ngày 1 tháng 1 năm 2024
Mua mới trong kỳ
Ngày 30 tháng 9 năm 2024
Trong đó:
Tài sản đã khấu hao hết

1.213.455.280	-
253.433.400	-
1.466.888.680	-

572.095.280	-
-------------	---

Giá trị khấu hao lũy kế
Ngày 1 tháng 1 năm 2024
Khấu hao trong kỳ
Ngày 30 tháng 9 năm 2024

(695.463.620)	-
(183.496.471)	-
(878.960.091)	-

Giá trị còn lại
Ngày 1 tháng 1 năm 2024
Ngày 30 tháng 9 năm 2024

517.991.660	-
587.928.589	-

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm trước 2024 VND
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	

964.691.575	1.508.085.856
-	364.167.008
(558.684.758)	(907.561.289)
406.006.817	964.691.575

Số đầu kỳ
Tăng trong kỳ
Phân bổ trong kỳ
Số cuối kỳ

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q.7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ		Cho kỳ kế toán chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024		Số cuối kỳ
	VND	VND	Phải trả	Đã nộp	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.239.532.930	50.446.558.000	(48.894.077.930)		16.792.013.000
Thuế thu nhập cá nhân	930.776.555	12.140.745.440	(12.254.239.503)		817.282.492
Thuế nhà thầu	-	658.694.987	(371.332.175)		287.362.812
Thuế giá trị gia tăng	475.671	6.923.225	(6.923.225)		475.671
	16.170.785.156	63.252.921.652	(61.526.572.833)		17.897.133.975

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Tiền thưởng	10.563.378.148	10.364.707.000
Chi phí tiếp thị	1.331.000.000	959.000.000
Thuế nhà thầu phí dịch vụ	781.842.007	739.967.007
Chi phí dịch vụ tư vấn	851.250.000	1.738.090.000
Phúc lợi nhân viên	839.937.000	470.760.000
Chi phí hỗ trợ phần phối chứng chi quỹ	554.850.973	311.648.640
Chi phí phải trả khác	236.260.004	445.940.799
	15.158.518.132	15.030.113.446

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	8.588.055.744	7.885.950.723
Tiền thưởng cho quản lý cấp cao	1.319.357.435	2.414.897.586
Khác	24.436.577	24.144.308
	9.931.849.756	10.324.992.617

14. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn đã góp VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	83.000.000.000 VND	100	83.000.000.000

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

15. DOANH THU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
	VND	VND
Phí quản lý danh mục đầu tư từ Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	273.190.482.562	236.553.450.236
Phí quản lý Quỹ đầu tư Có phiếu Manulife	8.257.145.209	8.390.178.618
Phí quản lý Quỹ đầu tư Căn bằng Manulife	2.495.858.381	2.443.603.055
Phí dịch vụ tư vấn đầu tư	242.088.928	206.082.142
Phí thu từ các giao dịch mua/bán chứng chỉ quỹ	2.171.185.108	1.241.493.404
	286.356.760.188	248.834.807.455

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.344.289.724,00	22.343.803.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.496.381.164,00	2.234.590.189
Thuế vận phòng	551.170.294,00	483.444.027
Chi phí bảo hiểm	205.775.409,00	185.461.653
Chi phí khấu hao	54.861.213,00	18.795.060
Chi phí khác	630.021.530,00	858.632.871
	27.282.499.334,00	26.124.727.542

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
	VND	VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi	28.624.122.620	25.853.963.471
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
	28.624.122.620	25.853.963.471

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

18.

CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.140.208.257	20.936.720.906
Chi phí hỗ trợ phân phối chứng chỉ quỹ	3.692.270.960	1.608.217.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.732.158.768	3.617.546.746
Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản	1.946.314.366	1.979.833.827
Thuế văn phòng	1.303.653.827	1.289.184.084
Chi phí dịch vụ IT	1.181.028.070	1.117.981.915
Chi phí tiếp thị	1.322.996.696	880.553.784
Chi phí bảo hiểm	484.493.479	494.564.409
Chi phí khấu hao	128.635.258	50.120.163
Chi phí khác	1.207.906.602	2.966.427.017
	38.139.666.283	34.941.150.607

19.

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế từ năm 2016.

Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính quý có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	50.446.558.000	43.208.316.000
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại (Thuyết minh 19.3)	(40.559.936)	(444.933.128)
	50.405.998.064	42.763.382.872

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

Chi phí Thuế TNDN

19.1 Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	249.446.005.843	213.299.845.789
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2023: 20%)	49.889.201.169	42.659.969.158
Điều chỉnh tăng:		
Xác định giá trị trường với giao dịch liên kết	311.614.609	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	205.182.286	103.413.714
Chi phí thuế TNDN ước tính	50.405.998.064	42.763.382.872
Chi phí thuế TNDN	50.405.998.064	42.763.382.872

Chi phí Thuế TNDN hiện hành

19.2 Thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

19.3 Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán				Báo cáo kết quả kinh doanh			
	Số cuối kỳ	VND	Số đầu kỳ	VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023	VND
Chi phí phải trả	3.031.704.000		3.006.022.689		25.681.311		407.572.939	
Trợ cấp thôi việc	116.199.000		101.320.375		14.878.625		37.360.189	
	3.147.903.000		3.107.343.064		40.559.936		444.933.128	



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q.7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

20. Những giao dịch trong yếu tố Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
			VND	VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	Công ty mẹ	Phí quản lý danh mục đầu tư	273.190.482.562	236.553.450.236
		Trả chi phí thuê văn phòng	1.854.824.121	1.772.628.111
		Trả chi phí dịch vụ	1.797.974.170	1.713.729.048
Quỹ đầu tư Có phiếu Manulife ("MAFEQI")	Bên liên quan	Phí quản lý quỹ	8.257.145.209	8.390.178.618
Quỹ đầu tư Căn bằng Manulife ("MAFBAL")	Bên liên quan	Phí quản lý quỹ	2.495.858.381	2.495.858.381
Manulife Financial Asia Limited	Công ty mẹ cấp cao	Chi phí dịch vụ chi hó	223.462.264	132.116.241
		Chi phí dịch vụ IT	1.069.513.620	1.005.747.915
John Hancock Life Insurance Company (U.S.A)	Bên liên quan	Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản	576.117.410	587.770.265
The Manufacturers Life Insurance Company	Công ty mẹ cấp cao	Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản	1.169.691.334	1.193.356.562
		Chi phí dịch vụ chi hó	196.569.501	-
Manulife Investment Management (Hong Kong) Limited	Bên liên quan	Phí dịch vụ tư vấn đầu tư	242.088.928	206.082.142



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý, các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
			Phải thu/(Phải trả) VND	Phải thu/(Phải trả) VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	27.494.899.251	27.019.079.498
Quỹ đầu tư Cổ phiếu Manulife ("MAFEQI")	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý quỹ	862.143.971	884.724.421
Quỹ đầu tư Cân bằng Manulife ("MAFBAL")	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý quỹ	265.848.787	261.946.621
Manulife Financial Asia Limited	Công ty mẹ cấp cao	Phải trả phí dịch vụ chi hộ và chi phí dịch vụ IT	(6.397.160.146)	(5.053.879.125)
John Hancock Life Insurance Company (U.S.A)	Bên liên quan	Phải trả phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản	(567.871.333)	(917.804.721)
The Manufacturers Life Insurance Company	Công ty mẹ cấp cao	Phải trả phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản và chi phí dịch vụ chi hộ	(1.623.024.265)	(1.914.266.877)
Manulife Investment Management (Hong Kong) Limited	Bên liên quan	Phải thu phí dịch vụ tư vấn đầu tư	128.755.138	517.549.776

21. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) (i)	4.405.876.898.233	2.724.948.991.870
Quỹ MAFEQI (ii)	12.936.347.030	8.739.264.556
Quỹ MAFBAL (iii)	24.418.765.535	2.644.258.234
Quỹ MAFPF1 (iv)	253.381.243	253.381.243
Quỹ MDI (v)	19.188.603.843	108.117.761.950
	4.462.673.995.884	2.844.703.657.853

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

(i)	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	VND	Năm trước	VND
	Số đầu kỳ	2.724.948.991.870		2.960.511.626.725	
	Tăng trong kỳ	47.080.972.775.520		40.352.019.447.165	
	Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	18.372.163.054.955		12.063.593.229.629	
	Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	10.491.753.922.115		12.537.159.349.175	
	Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác	18.217.055.798.450		15.751.266.868.361	
	Giảm trong kỳ	(45.400.044.869.157)		(40.587.582.082.020)	
	Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(26.931.468.370.477)		(25.829.787.545.890)	
	Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	(2.556.023.617.176)		(4.041.373.426.692)	
	Chi phí và tiền giám khác	(15.912.552.881.504)		(10.716.421.109.438)	
	Số cuối kỳ	4.405.876.898.233		2.724.948.991.870	

(ii)	Quỹ MAFEQI	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	VND	Năm trước	VND
	Số đầu kỳ	8.739.264.556		24.242.071.952	
	Tăng trong kỳ	842.130.654.388		554.064.956.285	
	Nhận tiền từ bán chứng khoán	470.329.433.648		318.708.168.598	
	Tiền thu phát hành chứng chỉ quỹ	73.403.967.622		41.594.042.605	
	Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác	298.387.805.735		193.761.921.245	
	Nhận từ giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ MAFEQI với vai trò là Đại lý ký danh	9.447.383		823.837	
	Giảm trong kỳ	(837.933.571.914)		(569.567.763.681)	
	Thanh toán mua chứng khoán	(313.848.638.602)		(242.369.064.139)	
	Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	(224.585.268.114)		(136.666.756.214)	
	Chi phí và tiền giám khác	(299.490.217.815)		(190.531.119.491)	
	Thanh toán mua lại chứng chỉ quỹ MAFEQI cho nhà đầu tư với vai trò là Đại lý ký danh	(9.447.383)		(823.837)	
	Số cuối kỳ	12.936.347.030		8.739.264.556	

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

(iii)

Quỹ MAFBAL

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Năm trước
	VND	VND
Số đầu kỳ	2.644.258.234	11.435.824.858
Tăng trong kỳ	439.121.236.452	280.045.750.050
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	177.228.108.966	129.473.616.450
Tiền thu phát hành chứng chỉ quỹ	40.035.685.998	21.677.430.968
Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác	151.344.577.658	99.847.871.605
Tiền gửi của nhà đầu tư quỹ MAFBAL trong kỳ với vai trò là Đại lý ký danh (*)	27.389.420.952	12.963.300.000
Nhận từ giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ MAFBAL với vai trò là Đại lý ký danh	43.123.442.878	16.083.531.027
Giảm trong kỳ	(417.346.729.151)	(288.837.316.674)
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(161.214.131.868)	(131.332.378.819)
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	(74.709.702.222)	(57.291.107.300)
Chi phí và tiền giảm khác	(110.843.031.231)	(70.458.999.528)
Mua chứng chỉ quỹ MAFBAL với vai trò là Đại lý ký danh	(27.456.420.952)	(13.671.300.000)
Thanh toán mua lại chứng chỉ quỹ MAFBAL cho nhà đầu tư với vai trò là Đại lý ký danh	(43.123.442.878)	(16.083.531.027)
Số cuối kỳ	24.418.765.535	2.644.258.234

(*) Trong kỳ, Công ty với vai trò là Đại lý ký danh đã nhận các khoản tiền gửi của các nhà đầu tư với số tiền là 27.389.420.952 VND với cùng mục đích là mua chứng chỉ quỹ MAFBAL.

(iv)

Quỹ MAFFP1 (**)

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Năm trước
	VND	VND
Số đầu kỳ	253.381.243	253.381.243
Giảm trong kỳ	-	-
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	-	-
Số cuối kỳ	253.381.243	253.381.243

(**) Tại ngày lập báo cáo này, Quỹ đã ngừng hoạt động.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

(v)

Quỹ MDI

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024		Năm trước
	VND	VND	
Số đầu kỳ	108.117.761.950		-
Tăng trong kỳ	276.155.235.248		108.117.761.950
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	63.989.105.203		-
Tiền thu phát hành chứng chỉ quỹ	43.325.296.261		108.117.761.950
Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác	168.840.833.784		-
Giảm trong kỳ	(365.084.393.355)		-
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(179.136.199.902)		-
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	(17.347.607.470)		-
Chi phí và tiền giám khác	(168.600.585.983)		-
Số cuối kỳ	19.188.603.843	108.117.761.950	-

22.

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Các giá trị bên dưới được trình bày theo giá ghi sổ.

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
		(Trình bày lại)
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) (i)	112.575.424.177.638	102.092.656.925.617
Quỹ MAFEQI (ii)	470.074.691.109	519.304.755.029
Quỹ MAFBAL (iii)	210.178.893.974	231.437.441.320
Quỹ MDI (iv)	114.472.716.785	-
	113.370.150.479.506	102.843.399.121.966

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

(i) Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
		(Trình bày lại)
Chứng khoán vốn niêm yết	16.911.117.559.543	14.728.852.039.239
Trong đó, chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá	3.326.535.995.024	4.729.597.219.212
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn niêm yết	-1,00%	-4,91%
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	3.620.196.832	-
Trong đó, chứng khoán nợ chưa niêm yết bị giảm giá	5.896.832	-
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn chưa niêm yết	-0,15%	0,00%
Chứng khoán nợ niêm yết	58.000.347.385.098	57.573.570.301.588
Trong đó, chứng khoán nợ niêm yết bị giảm giá	294.168.100.000	-
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán nợ niêm yết	0,00%	0,00%
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	12.869.161.122.299	11.077.721.191.403
Trong đó, chứng khoán nợ chưa niêm yết bị giảm giá	12.869.161.122.299	11.077.721.191.403
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán nợ chưa niêm yết	-0,04%	-0,06%
Chứng chỉ tiền gửi	544.201.453.949	-
Tiền gửi có kỳ hạn	24.246.976.459.917	18.712.513.393.387
	112.575.424.177.638	102.092.666.925.617

Quỹ MAFEQI

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
		(Trình bày lại)
Chứng khoán vốn niêm yết	470.074.691.109	519.304.755.029
Trong đó, các chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá	72.236.891.525	134.242.175.964
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn niêm yết	-0,29%	-3,30%
	470.074.691.109	519.304.755.029

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

(iii)	Quỹ MAFBAL	Ngày 30 tháng 9 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		VND		VND	
				(Trình bày lại)	
Chứng khoán vốn niêm yết		103.713.061.116		108.668.916.644	
Trong đó, chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá		17.749.483.263		30.896.560.665	
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn niêm yết		-0,71%		-2,44%	
Chứng khoán nợ niêm yết		58.229.824.676		69.768.524.676	
Trong đó, chứng khoán nợ niêm yết bị giảm giá		33.778.224.676		14.000.000.000	
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán nợ niêm yết		-0,46%		-0,01%	
Chứng chỉ tiền gửi		15.532.501.332		-	
Tiền gửi có kỳ hạn		32.703.506.850		53.000.000.000	
		210.178.893.974		231.437.441.320	
(iv)	Quỹ MDI	-		-	
		Ngày 30 tháng 9 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		VND		VND	
Chứng khoán vốn niêm yết		77.054.025.670		-	
Trong đó, các chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá		15.087.233.629		-	
% Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn niêm yết		-0,63%		-	
Chứng chỉ tiền gửi		12.858.667.492		-	
Tiền gửi có kỳ hạn		24.560.023.623		-	
		114.472.716.785		-	

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (Trình bày lại)
Phải thu lãi trái phiếu, cổ tức và lãi tiền gửi	2.150.951.125.309	1.892.239.758.996
Phải thu bán chứng khoán	48.584.548.695	97.786.659.657
Các khoản phải thu khác	109.028.708.591	20.478.759.911
	2.308.564.382.595	2.010.505.178.564

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải trả phí khác	2.244.551.669	2.106.805.095
Phải trả tiền mua chứng khoán	68.748.507.109	130.998.981.169
Phải trả khác	9.482.913.438	4.328.586.988
	80.475.972.216	137.434.373.252

CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Dưới 1 năm	2.543.398.026	2.473.098.828
Từ 1 năm đến dưới 5 năm	6.039.265.806	7.964.389.125
	8.582.663.832	10.437.487.953

26.

MỤC ĐÍCH VÀ CHỨC SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.
Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

26.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tương đương tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗi phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Rủi ro về tỷ giá ngoại tệ của Công ty không lớn vì phần lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng đồng Việt Nam và các khoản nợ tài chính bằng ngoại tệ chỉ phát sinh với các bên liên quan và có giá trị không trong yếu.

26.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

26.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở không chiết khấu.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024

Tài sản tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn
Phải thu hoạt động nghiệp vụ
Các khoản phải thu khác

	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
	14.001.879.473	-	-	-	14.001.879.473
	425.536.406.845	464.247.401.992	-	-	889.783.808.837
	28.846.832.157	-	-	-	28.846.832.157
	7.301.118.628	5.045.007.458	-	-	12.346.126.086
	475.686.237.103	469.292.409.450	-	-	944.978.646.553

Nợ phải trả tài chính

Các khoản phải trả, phải nộp khác
Chi phí phải trả

	8.588.055.744	-	-	-	8.588.055.744
	4.079.039.984	516.100.000	-	-	4.595.139.984
	12.667.095.728	516.100.000	-	-	13.183.195.728

0



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q.7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tài sản tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền	25.317.846.984	-	-	25.317.846.984
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	207.707.491.966	463.625.044.500	-	671.332.536.466
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	28.751.688.737	-	-	28.751.688.737
Các khoản phải thu khác	10.136.150.237	11.119.489.878	-	21.255.640.115
	271.913.177.924	474.744.534.378	-	746.657.712.302

Nợ phải trả tài chính

Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.885.950.723	-	-	7.885.950.723
Chi phí phải trả	4.357.406.446	308.000.000	-	4.665.406.446
	12.243.357.169	308.000.000	-	12.551.357.169

27.

TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính quý của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.001.879.473	25.317.846.984	14.001.879.473	25.317.846.984
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	889.783.808.837	671.332.536.466	889.783.808.837	671.332.536.466
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	28.846.832.157	28.751.688.737	28.846.832.157	28.751.688.737
Các khoản phải thu khác	12.346.126.086	21.255.640.115	12.346.126.086	21.255.640.115
	944.978.646.553	746.657.712.302	944.978.646.553	746.657.712.302
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.588.055.744	7.885.950.723	8.588.055.744	7.885.950.723
Chi phí phải trả	4.595.139.984	4.665.406.446	4.595.139.984	4.665.406.446
	13.183.195.728	12.551.357.169	13.183.195.728	12.551.357.169

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

28.

DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Công ty đã trình bày lại một số dữ liệu tương ứng trong thuyết minh về chi tiêu ngoại bảng cần đối kế toán của báo cáo tài chính quý cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 do thay đổi cách thức trình bày giá trị danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác từ giá thị trường thành giá gốc và điều chỉnh một khoản chênh lệch không đáng kể (chiếm tỷ trọng 0,005%) phải thu lãi trái phiếu ơ thuyết minh các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023. Chi tiết như sau:

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

Trích từ các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (đã trình bày)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (trình bày lại)	Chênh lệch VND
40	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	22	112.137.964.720.895	102.843.399.121.966	(9.294.565.598.929)
50	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	23	2.010.398.805.504	2.010.505.178.564	106.373.060

Trích từ thuyết minh Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (đã trình bày)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (trình bày lại)	Chênh lệch VND
Phải thu lãi trái phiếu, cổ tức và lãi tiền gửi	1.892.133.385.936	1.892.239.758.996	106.373.060
Phải thu bán chứng khoán	97.786.659.657	97.786.659.657	-
Các khoản phải thu khác	20.478.759.911	20.478.759.911	-
	2.010.398.805.504	2.010.505.178.564	106.373.060

Trích từ thuyết minh Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (đã trình bày)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (trình bày lại)	Chênh lệch VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) (i)	111.263.095.712.192	102.092.656.925.617	(9.170.438.786.575)
Quỹ MAFEQI (ii)	618.881.947.200	519.304.755.029	(99.577.192.171)
Quỹ MAFBAL (iii)	255.987.061.503	231.437.441.320	(24.549.620.183)
	112.137.964.720.895	102.843.399.121.966	(9.294.565.598.929)

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

(i) Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (đã trình bày)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (trình bày lại)	Chênh lệch VND
Chứng khoán vốn niêm yết	16.253.077.134.600	14.728.852.039.239	(1.524.225.095.361)
Trong đó, chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá	4.007.086.930.400	4.729.597.219.212	722.510.288.812
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn niêm yết	-4,43%	-4,91%	-0,48%
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	-	-	-
Trong đó, chứng khoán nợ chưa niêm yết bị giảm giá	-	-	-
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn chưa niêm yết	0,00%	0,00%	0,00%
Chứng khoán nợ niêm yết	65.225.968.204.582	57.573.570.301.588	(7.652.397.902.994)
Trong đó, chứng khoán nợ niêm yết bị giảm giá	-	-	-
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán nợ niêm yết	0,00%	0,00%	0,00%
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	11.071.536.979.623	11.077.721.191.403	6.184.211.780
Trong đó, chứng khoán nợ chưa niêm yết bị giảm giá	11.071.536.979.623	11.077.721.191.403	6.184.211.780
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán nợ chưa niêm yết	-0,06%	-0,06%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn	18.712.513.393.387	18.712.513.393.387	-
	111.263.095.712.192	102.092.656.925.617	(9.170.438.786.575)

(ii) Quỹ MAFEQI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (đã trình bày)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (trình bày lại)	Chênh lệch VND
Chứng khoán vốn niêm yết	618.881.947.200	519.304.755.029	(99.577.192.171)
Trong đó, các chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá	117.101.825.000	134.242.175.964	17.140.350.964
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn niêm yết	-2,77%	-3,30%	-0,53%
	618.881.947.200	519.304.755.029	(99.577.192.171)

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ (Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2024

(iii)	Quỹ MAFBAL	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Chênh lệch VND
		VND	(đã trình bày)	VND	(trình bày lại)	
	Chứng khoán vốn niêm yết	130.707.219.900		108.668.916.644		(22.038.303.256)
	Trong đó, chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá	28.241.810.600		30.896.560.665		2.654.750.065
	%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn niêm yết	-2,03%		-2,44%		-0,41%
	Chứng khoán nợ niêm yết	72.279.841.603		69.768.524.676		(2.511.316.927)
	Trong đó, chứng khoán nợ niêm yết bị giảm giá	13.995.100.000		14.000.000.000		4.900.000
	%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán nợ niêm yết	-0,01%		-0,01%		0,00%
	Trên gửi có kỳ hạn	53.000.000.000		53.000.000.000		-
		255.987.061.503		231.437.441.320		(24.549.620.183)

SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc Hội đã thông qua Nghị quyết số 107/2023/QH15 ("Nghị quyết 107") về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Nghị quyết 107 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024, có tác động đến hoạt động kinh doanh của các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam và các tập đoàn trong nước đầu tư ra nước ngoài. Vào ngày lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty đang trình tổng hợp thông tin và đánh giá ảnh hưởng của Nghị quyết 107 đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty phải nộp bổ sung (nếu có) trong các năm tài chính tiếp theo.

30. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán quý
Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán quý này được điều chỉnh tài chính bày trong báo cáo tài chính quý của Công ty.


Bà Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập


Bà Lê Thị Kim Dung
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 18 tháng 10 năm 2024

